TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 361/2018/DS-PT
Ngày 27-11-2018
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2016/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1578/2018/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông **Châu Minh V** – sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số 43/28, đường A1, khóm 2, phường 7, thành phố A, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông **Châu Minh N** – sinh năm 1960; Địa chỉ: số 26, đường A2, khóm 4, phường 8, thành phố A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bà **Châu Kim H** – sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 240/2A, phường A3, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông **Châu Minh T** – sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 43, đường số 2, khu phố 2, phường A4, quận A5, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền ông V, bà H và ông T là: Ông Châu Minh N.

2. Bị đơn: Bà **Tăng Mỹ L** - sinh năm 1940; Địa chỉ: Số 183, đường A2, khóm 4, phường 8, thành phố A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Ngô Đình C – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Văn L1** – sinh năm 1965 (có mặt).

- Chị **Nguyễn Thị H1 –** sinh năm 1967 (có mặt).

- Anh **Nguyễn Thanh T1** – sinh năm 1990 (có mặt).

- Chị **Nguyễn Thị Thanh T2** – sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 183, đường A2, khóm 4, phường 8, thành phố A, tỉnh Cà Mau.

- **Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau**. Địa chỉ: số 02, đường A6, phường 5, thành phố A, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tiến H2** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm Văn B** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Tăng Mỹ L là bị đơn; anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Châu Minh N trình bày: Anh em nhà ông có thừa kế phần đất của cha (ông Châu Long H3) để lại, nguồn gốc đất là do ông nội (Châu Văn P) và ông dượng (Trần Văn G) cùng khai phá và cùng đứng bộ lô đất số 3, tờ bản đồ số 01 với diện tích 14.400m^2 tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố A. Hiện nay, phần đất này là khu nhà mồ gia tộc nhà ông (thường gọi là khu nhà mồ thầy

G), trên đất có nhiều mộ phần của họ hàng nhà ông được chôn cất lâu năm (gần 80 năm).

Năm 1959 ông Lê Văn X thuê đất của ông (ông Châu Long H4 là bác làm đại diện thừa kế cho thuê), đến năm 1970 bác ông ký giao kèo cho ông Lưu Văn K thuê đất (hợp đồng giao kèo được chính quyền địa phương xác nhận), đến năm 1973 ông H4 chết, cha ông là ông H3 về quản lý thì phát hiện một số hộ dân lấn chiếm và âm thầm làm giấy sang bán đất trong đó có bà Tăng Mỹ L nên khởi kiện yêu cầu giải quyết đến nay nhưng chưa được giải quyết dứt điểm. Vào năm 1989 chính quyền địa phương hòa giải không cho bà L cất thêm nhà, ngăn cản không cho bà L lấn chiếm thêm 3,2 mét nữa để gia đình ông có đường vô nhà mồ, nhưng bà L vẫn tiếp tục đào ao, lấn đất và đã cất nhà.

Nay ông N yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà – đất số 917 do Sở xây dựng tỉnh Minh Hải cấp ngày 22/10/1991 cho bà Tăng Mỹ L và yêu cầu bà Tăng Mỹ L Trả lại phần đất có diện tích 212,40m^2 bà L đã cất nhà lấn chiếm.

Hiện nay ông N cần đường vô nhà mồ nên yêu cầu bà L trả đường vô nhà mồ là phần đất trống hiện nay có bề ngang 4,5m, phần đất còn lại nếu bà L có nhu cầu sử dụng thì trả lại gia đình ông giá trị đất theo giá nhà nước.

Theo đơn khởi kiện bổ sung của của các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án: Hủy giấy chứng nhận chủ quyền nhà – đất số: 917 do sở xây dựng tỉnh Minh Hải cấp ngày 22/10/1991. (Trong đó có 217,80m^2 đất mà bà đã xây dựng nhà ở và 307,94m^2 đất sân, vườn).

Yêu cầu bà Tăng Mỹ L trả lại toàn bộ phần đất mà bà đang quản lý chiếm ở: 483,90m^2.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm: ông Châu Minh N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông N yêu cầu bà L trả lại diện tích đất trên bờ (từ mé lộ Trương Phùng Xuân trở lên) theo kết quả đo đạc ngày 10/11/2015 và đo đạc bổ sung ngày 17/5/2016 diện tích theo đo đạc thực tế là 483,90m^2 trong đó phần diện tích nào bà L đã xây cất nhà yêu cầu bà L trả lại giá trị đất, phần đất còn trống yêu cầu bà L trả lại đất; riêng phần đất cặp dưới mé sông, theo Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà – đất của Sở xây dựng cấp cho bà L diện tích 148,50m^2 sau khi đo đạc thực tế và tại phiên tòa ông không yêu cầu mà để cho bà L sử dụng.

Bị đơn bà Tăng Mỹ L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 1970 chồng bà là ông Lý Thanh U (đã chết) có mua của ông Trần Minh Đ 06m bề ngang lô trên bờ (có giấy tờ sang nhượng) và tự khai phá ra thêm được tổng cộng ngang 11m, nhưng hiện tại chiều ngang tổng cộng chỉ còn 9,3m. Sau đó có mua của ông Lâm Thành K1 một phần đất phía dưới sông và tự khai phá thêm (không có giấy tờ sang nhượng). Đến năm 1983 chồng bà chết chính quyền địa phương thấy công sức bà khai phá nên cấp sổ chủ quyền cho bà vào năm 1991 tổng diện tích 525,14m^2. Bà không lấn chiếm đất như ông N trình bày nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N. Hiện nay còn phần đất trống khoảng 1,8m cặp đất nhà bà Nguyễn Thị Năm, nếu ông N đồng ý thì bà để lại cho ông N có đường vô nhà mồ và ông N phải hoàn trả lại cho bà tiền công sức khai phá và bồi đắp. Năm 1989 bà không tham gia hòa giải tranh chấp đất đai với ông N ở địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thị Thanh T2 Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng các đương sự trên không tham gia phiên hòa giải cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau: Có ý kiến về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà – đất cho bà Tăng Mỹ L là phù hợp theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện và xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2016/DS-ST ngày 15/11/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256, Điều 258 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hủy Giấy chứng nhận chủ quyền Nhà – Đất số 917/CN-SH ngày 22/10/1991

của Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp cho bà Tăng Mỹ L diện tích 525,14m^2 tọa lạc tại số 183, đường I, khóm 4, phường 8, thị xã Cà Mau (nay là thành phố A).

Buộc bà Tăng Mỹ L, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả lại cho các nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 259,8m^2, tọa lạc số 183, đường A2, khóm 4, phường 8, thành phố A có vị trí: M-1 đến M-1': 4,46m; từ M-1' đến M-7': 44,18m, từ M-7' đến M-7: 8,22m; từ M-7 đến M-8: 17,70m; từ M-8 đến M-9: 2,13m; từ M-9 đến M-1: 25,43m.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đòi bị đơn trả giá trị diện tích đất 223,90m^2, có vị trí: M-1' đến M-2; M-2 đến M-6; M-6 đến M-7'; M-7' đến M-1'

Vị trí, diện tích hai phần đất nêu trên theo Trích đo hiện trạng ngày 17/5/2016 của Trung Tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 17/5/2016).

Buộc các nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T trả giá trị 05 cây dừa trong đó có 02 cây dừa chưa cho trái, 03 cây dừa đang cho trái, 06 cây tràm bông vàng, 01 cây lý, 15 bụi chuối, 02 cây me, 03 cây bằng lăng, 01 cây ô môi, 01 cây sộp cho bà Tăng Mỹ L số tiền 3.920.000 đồng; buộc bị đơn di dời 03 cây mai và 01 cây xanh trả lại phần đất cho nguyên đơn.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần đất từ lộ Trương Phùng Xuân xuống mé sông Cà Mau có diện tích ngang 11,25m, dài 13,2m, diện tích 148,50m^2.

Các bên nguyên đơn và bị đơn có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản và án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/02/2018, bà Tăng Mỹ L là bị đơn; anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất cho bà Tăng Thị Mỹ L theo giấy chứng nhận chủ quyền nhà – đất số 917/CN-SH ngày 22/101/1991 do Sở xây dựng tỉnh Minh Hải cấp cho bà diện tích nhà và diện tích đất 525,14 m^2. Về án phí dân sự, chi phí đo đạc, chi phí định giá buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Diện tích đất tranh chấp bà L đã sử dụng ổn định, lâu dài và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, phía nguyên đơn không quản lý sử dụng đất. Vì vậy, lẽ ra trong trường hợp này nguyên đơn không có quyền khởi kiện. Đồng thời, trước đây tranh chấp giữa các bên cũng chỉ là lối đi vào khu nhà mồ. Án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích 259,8m^2 là không xem xét đến quyền lợi của bị đơn. Mà chỉ có cơ sở buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất là 76$m^{2.}$

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong tranh chấp này, vì cho rằng diện tích đất mà phía bị đơn là bà Tăng Mỹ L và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đang quản lý sử dụng là đất của gia đình mình nên phía nguyên đơn đã yêu cầu khởi kiện buộc phía bị đơn phải trả lại diện tích đất 483,90m^2 . Do diện tích đất này đã được Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp Giấy chứng nhận chủ quyền nhà – đất vào ngày 22/10/1991, vì vậy phía nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận này.

[1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn cho rằng: Diện tích đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất 14.400m^2 do ông nội

của nguyên đơn là Cụ Châu Văn P và ông dượng là Cụ Trần Văn C1 đứng sổ bộ Lô đất số 3, tờ bản đồ số 01, được đo đạc vào năm 1928. Đây là đất hương hỏa nên có chôn nhiều người trong thân tộc, trong đó có người đã chôn cách đây 80 năm. Phần đất này từ năm 1973 trở về trước bác của nguyên đơn là cụ Châu Long H4 quản lý, năm 1973 cụ H4 chết nên cụ H3 về Phường 8 ở, quản lý thì phát hiện đất đã bị một số hộ lấn chiếm, trong đó có hộ của bà L đã chiếm hết phía trước nhà mồ. Cụ H3 đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, sau đó do sức khỏe yếu nên cụ H3 đã ủy quyền cho ông thay cụ đòi lại đất hương hỏa. Năm 1989 chính quyền khóm 4, phường 8, Thị xã Cà Mau có giải quyết buộc bà L, bà Năm phải chừa ngang cho gia đình ông làm đường đi 3,5m vào nhà mồ nhưng họ không thực hiện.

[1.2] Phía nguyên đơn đã cung cấp "Sao lục họa đồ" ngày 27/12/1993 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau sao lục. Chứng cứ này phù hợp với "Trích lục Địa – Bộ" ngày 13/7/1970 và "Sao lục Họa – Đồ" ngày 6/4/1971 của Tổng nha Điền – Địa thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa về diện tích và người đứng tên. Từ cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất có nguồn gốc của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản hỏi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà mau về việc xác định vị trì đất tranh chấp có nằm trong phần đất thửa số 3, tờ bản đồ số 1 của chế độ cũ hay không; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau đã trả lời là không xác định được.

[2] Trong khi đó, phía bị đơn bà Tăng Mỹ L phủ nhận toàn bộ yêu cầu cũng như ý kiến của phía nguyên đơn vì cho rằng: phần đất tranh chấp có nguồn gốc do chồng bà là ông Lý Thanh U sang lại của ông Trần Minh Đ vào năm 1970 chiều ngang 6m trên bờ, sau đó bà có khai phá thêm chiều ngang là 11m, hiện nay còn 9,3m. Đến năm 1991 thì được Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận chủ quyền nhà- đất với tổng diện tích là 525,14m^2 . Để chứng minh điều này, phía bị đơn bà L đã cung cấp cho tòa án chứng cứ là "Tờ sang nhà" ngày 26/01/1970 giữa bên bán là ông Trần Minh Đ với bên mua là ông Lý Thanh U (chồng bà L). Bà L xác định việc sang nhượng chỉ được tiến hành một lần.

Tuy nhiên, theo chứng cứ mà Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau đã cung cấp cho tòa án là "Tờ sang đứt nền nhà" thì chỉ thống nhất các nội dung về ngày tháng và số tiền sang bán, còn tiêu đề và xác nhận của chế độ cũ là khác nhau. Tại tòa án cấp sơ thẩm bà L không lý giải được về sự khác nhau này.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà L không đồng ý và cho rằng hiện nay còn phần đất trống ngang mặt tiền là 1,44m, ngang mặt sau là 1,54m, diện tích 76,5m^2 , nếu nguyên đơn đồng ý bà sẽ để lại để nguyên đơn làm đường đi vào khu nhà mồ và nguyên đơn phải hoàn trả cho bà tiền công sứ khai phá và bồi đắp.

[3] Với các tình tiết và chứng cứ nêu trên, qua xem xét sự nhận định, đánh giá và phán quyết của tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Phía bị đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng từ ông Đức nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho tính hợp pháp của việc chuyển nhượng. Trong khi đó, phía nguyên đơn thì đưa ra được bằng chứng để chứng minh về nguồn gốc đất.

Tuy nhiên, do xét thấy phía bị đơn đã có thời gian sử dụng đất lâu dài, ổn định, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc phía bị đơn phải trả lại một phần diện tích đất tranh chấp diện tích 259,8m^2 để phía bị đơn có có lối đi vào khu nhà mồ phía trong là hợp tình, hợp lý, đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi của bị đơn về công sức đóng góp trong quá trình quản lý và sử dụng đất.

Vì lẽ đó, kháng cáo của phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256, Điều 258 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tăng Mỹ L, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2016/DS-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

1. *Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hủy Giấy chứng nhận chủ quyền Nhà – Đất số 917/CN-SH ngày 22/10/1991 của Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp cho bà Tăng Mỹ L diện tích 525,14m^2 tọa lạc tại số 183, đường I, khóm 4, phường 8, thị xã Cà Mau (nay là thành phố A).

Buộc bà Tăng Mỹ L, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả lại cho các nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 259,8m^2, tọa lạc số 183, đường A2, khóm 4, phường 8, thành phố A có vị trí: M-1 đến M-1': 4,46m; từ M-1' đến M-7': 44,18m, từ M-7' đến M-7: 8,22m; từ M-7 đến M-8: 17,70m; từ M-8 đến M-9: 2,13m; từ M-9 đến M-1: 25,43m.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đòi bị đơn trả giá trị diện tích đất 223,90m^2, có vị trí: M-1' đến M-2; M-2 đến M-6; M-6 đến M-7'; M-7' đến M-1'

Vị trí, diện tích hai phần đất nêu trên theo Trích đo hiện trạng ngày 17/5/2016 của Trung Tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 17/5/2016).

Buộc các nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T trả giá trị 05 cây dừa trong đó có 02 cây dừa chưa cho trái, 03 cây dừa đang cho trái, 06 cây tràm bông vàng, 01 cây lý, 15 bụi chuối, 02 cây me, 03 cây bằng lăng, 01 cây ô môi, 01 cây sộp cho bà Tăng Mỹ L số tiền 3.920.000 đồng; buộc bị đơn di dời 03 cây mai và 01 cây xanh trả lại phần đất cho nguyên đơn.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần đất từ lộ Trương Phùng Xuân xuống mé sông Cà Mau có diện tích ngang 11,25m, dài 13,2m, diện tích 148,50m^2.

Các bên nguyên đơn và bị đơn có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Chi phí đo đạc: Tổng số tiền 4.653.000 đồng bên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu một nữa, ông N đã ứng tiền ra chi phí, bà L phải hoàn trả lại cho ông N là 2.326.500 đồng.

Chi phí định giá tài sản: 1.200.000 đồng, các nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T phải tự chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Mỹ L phải chịu 1.558.000 đồng chưa nộp; Các nguyên nguyên đơn ông Châu Minh N, ông Châu Minh V, bà Châu Kim H, ông Châu Minh T phải chịu 1.343.000 đồng. Ông N đã dự nộp tổng cộng 9.248.000 đồng theo biên lai thu số 0001197 ngày 08/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Cà Mau và theo biên lai thu số 000822 ngày 23/02/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Bà Tăng Mỹ L, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí bà L, ông L1, bà H1, anh T, chị H1 đã nộp theo các biên lai thu lần lược là 000973 ngày 28/11/2016, 000976, 000977, 000978, 000979 cùng ngày 30/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau thành án phí dân sự phúc thẩm. Bà L, ông L, bà H1, anh T, chị H1 không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu: HS, VT (TVN).

Phạm Công Mười